

Số: 351/KH-MNCH

Cộng Hòa, ngày 14 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024-2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Thủ tướng chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục Mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường mầm non;

Căn cứ Hướng dẫn số 965/PGDĐT-GDMN, ngày 11 tháng 09 năm 2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên về hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2024-2025 của giáo dục Mầm non;

Thực hiện kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 của Trường Mầm non Cộng Hoà;

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị, trường Mầm non Cộng Hoà thực hiện xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

II. BỐI CẢNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thời cơ

- Thực hiện nghị quyết đại hội Đại biểu Đảng bộ Thị xã Quảng Yên lần thứ XXI, Nhiệm kỳ 2020-2025 về xây dựng, phát triển thị xã Quảng Yên trở thành thành phố trước năm 2025, là trung tâm công nghiệp, dịch vụ, cảng biển và logistics, đạt đô thị loại II trước năm 2030.

- Là trường Mầm non công lập đóng trên địa bàn phường Cộng Hoà, thị xã Quảng Yên; trường MN Cộng Hoà được đặt ở gần vị trí trung tâm của thị xã Quảng Yên cho nên đời sống dân cư ổn định, rất thuận lợi cho việc đi lại học tập của trẻ và gia đình. Nhu cầu của cha mẹ học sinh gửi con tại trường và sự tín nhiệm của cha mẹ học sinh, cộng đồng ngày càng tăng.

- Thị xã Quảng Yên là thị xã có truyền thống văn hoá với nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, đây cũng chính là điều kiện có thể giúp cho trẻ, giáo viên và nhà trường có nhiều cơ hội được tham quan, học tập, vận dụng phù hợp vào kế hoạch phát triển chương trình và đáp ứng được mục tiêu giáo dục của nhà trường đề ra một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

1.2. Thách thức

- Xã hội ngày càng phát triển và hội nhập vì thế đòi hỏi chất lượng chăm sóc giáo dục trong nhà trường phải luôn được nâng cao. Điều này đòi hỏi, CBQL nhà trường cần đổi mới quan điểm quản lý, chỉ đạo; các mối quan hệ xã hội, trong cách nghĩ, cách làm; trong thực hiện chính sách và động viên, khen thưởng kịp thời.

- Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL tại trường MN Công Hòa cần phải đảm bảo nâng cao năng lực, chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và các kĩ năng về công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN, góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL trên địa bàn thị xã Quảng Yên nói riêng và tỉnh Quảng Ninh nói chung

2. Bối cảnh bên trong

2.1. Điểm mạnh

a) Truyền thống nhà trường

Trường Mầm non Công Hòa được thành lập năm 1978 với quy mô ban đầu là 5 lớp, trong suốt hơn 40 năm thành lập và phát triển của trường cùng với sự nỗ lực phấn đấu khắc phục tình trạng thiếu thốn về cơ sở vật chất nhưng đội ngũ giáo viên vẫn yêu nghề mến trẻ, bám trường, bám lớp để hoàn thành tốt việc chăm sóc- giáo dục trẻ.

- Trong nhiều năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Trong những năm qua tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường mầm non Công Hòa luôn tích cực đẩy mạnh các hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ năm học, nhà trường luôn phấn đấu để duy trì và giữ vững các tiêu chuẩn của trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I- Tập thể trường MN Công Hòa đã không ngừng nỗ lực phấn đấu vươn lên duy trì chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều thành tích cao.

b) Nguồn lực

- Trường đặt tại địa chỉ khu Đường Ngang phường Công Hòa, môi trường sạch sẽ, an toàn, đi lại thuận lợi, đảm bảo an toàn giao thông.

- Tài chính, ngân sách đáp ứng đảm bảo nhu cầu cho các hoạt động trong nhà trường.

c) Đội ngũ giáo viên nhân viên và cán bộ quản lý

- Toàn trường có 36 CBGVNV (CBQL: 03; GV: 31; NV: 02), trong đó:

+ Ban Giám hiệu trường có 03 đồng chí đều có trình độ chuyên môn trên chuẩn. Hàng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá, xếp loại tốt theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. Ban giám hiệu đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ quản lý trường học, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, luôn thống nhất trong kế hoạch chỉ đạo công tác chăm sóc giáo dục của nhà trường; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đoàn kết, sáng tạo, hỗ trợ nhau trong công tác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đội ngũ giáo viên của trường có 31 người với trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn. Lực lượng giáo viên trường luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, đoàn kết, giản dị, yêu nghề mến trẻ, tôn trọng và đối xử công bằng với trẻ. Tập thể giáo viên luôn hòa đồng, thể hiện

tin thần sáng tạo, giúp đỡ nhau tận tình qua học tập các chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn; tích cực tham gia các phong trào thi đua do Đảng, Nhà nước, Ngành giáo dục, nhà trường phát động và đạt nhiều thành tích cao.

+ Đội ngũ nhân viên của trường: 15 người (2 biên chế, 13 HĐ). Trình độ chuyên môn: 01 kế toán kiêm văn thư – đại học, 01 y tế kiêm thủ quỹ – cao đẳng, 04 bảo vệ trong đó 2 bảo vệ kiêm lao công, 7 nấu ăn, 2 lao công.

- Cơ cấu, phân bổ đội ngũ giáo viên nhân viên cho các nhóm/lớp và các bộ phận đảm bảo chức năng và vị trí việc làm trong nhà trường. Đặc biệt phân công giáo viên có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm và tâm huyết đảm nhận phụ trách 04 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi.

d) Trẻ.

Tỉ lệ tuyển sinh năm học 2023-2024 đạt 98% chỉ tiêu ngành giao. Năm học 2023-2024 trường có 17 nhóm lớp với tổng số 495 trẻ, trong đó 4 nhóm trẻ và 13 lớp Mẫu giáo. Tỉ lệ trẻ đạt chuyên cần 98% trở lên.

2.2. Điểm yếu

a) Nguồn lực

- Nhà trường hiện có 17 phòng học/17 nhóm lớp (Có 11 phòng học đảm bảo theo quy định; 04 phòng học nhờ ở khu hiệu bộ cũ cải tạo tu sửa lại. Cơ sở vật chất trường lớp tuy đã được đầu tư nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu nuôi và dạy trẻ. Sân chơi cho trẻ khu nhỏ, chật hẹp ảnh hưởng tới tổ chức các hoạt động của trẻ. Nhà trường còn có 2 điểm lẻ, điểm xa nhất cách trung tâm tầm 4km nên khó khăn trong công tác quản lý cũng như quá trình trao đổi, học tập chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên.

- Một số giáo viên Khả năng sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ còn hạn chế, chưa tích cực chủ động trong đổi mới hình thức, phương pháp dạy học.

2.3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

*** Tầm nhìn:**

Trường Mầm non Cộng Hòa trở thành một trong những cơ sở giáo dục có chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ uy tín nhất khu vực Hà Bắc của Thị xã Quảng Yên.

Sứ mệnh:

Trường Mầm non Cộng Hòa là Trường học hạnh phúc, nơi ươm mầm yêu thương và lòng biết ơn cuộc sống.

Giá trị cốt lõi:

Giữ gìn những giá trị mang tính tốt đẹp nhân văn trong môi trường giáo dục. Chất lượng, chuyên nghiệp và hiệu quả là mục tiêu hàng đầu, là nguyên tắc và định hướng cho các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, là yếu tố quyết định cho sự phát triển trong xây dựng trường học hạnh phúc, lớp học hạnh phúc, giáo viên hạnh phúc, trẻ hạnh phúc với phương châm “*Bổ áp lực thành tích - Mang đến điều con thích*”.

III. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, hợp tác làm việc nhóm, tích cực, sáng tạo, hạnh phúc và những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn; đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Nhà trẻ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ.

A. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.

Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.

Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).

Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.

Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng.

Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.

Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

B. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.

Có sự nhạy cảm của các giác quan.

Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

C. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.

Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.

Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. Hồn nhiên trong giao tiếp.

D. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ

Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.

Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.

Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

2.2. Mẫu giáo:

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào trường tiểu học.

A. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

B. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

C. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.

Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

D. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

Có ý thức về bản thân.

Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

E. PHÁT TRIỂN THẨM MĨ

Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

IV. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

a. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của trường.

Thời điểm nghỉ hè, lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

* Nhóm trẻ 24-36 tháng

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lí tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi: Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ. Ngủ: 1 giấc trưa

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi	
Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

*** Mẫu giáo**

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC SỨC KHOẺ, GIÁO DỤC

*** NHÓM TRẺ 24-36 THÁNG**

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
A. NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC SỨC KHOẺ	
MT1: Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi, - Cân nặng bình thường: + Trẻ trai: 11,3-18,3kg + Trẻ gái: 10,8-18,1kg - Chiều cao bình thường: + Trẻ trai: 88,7-103,5cm + Trẻ gái: 87,4-102,7cm	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng theo độ tuổi. - Cân đo ba tháng trên lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển. - Can thiệp kịp thời đối với trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi và béo phì.
MT2: Trẻ được ăn theo chế độ và khẩu phần ăn khoa học phù hợp với độ tuổi.	- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ. - Chế độ dinh dưỡng hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ: Năng lượng 1 ngày tại trường của trẻ là 600-651 Kcal. (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày). - Phòng chống và can thiệp kịp thời với trẻ mắc bệnh hoặc suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi và béo phì.
MT3: Trẻ được uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh.	- Uống nước sạch đun sôi để nguội ấm vào mùa đông, nước uống đảm bảo vệ sinh. Uống khoảng 0,8 đến 1,6 lít trên trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn).

MT4: Trẻ được ngủ một giấc buổi trưa phù hợp với độ tuổi.	- Ngủ một giấc buổi trưa khoảng 150phút.
MT5: Trẻ được đảm bảo vệ sinh khi ở lớp.	- Trẻ có ca gốc riêng khăn mặt, đồ dùng cá nhân riêng và có ký hiệu riêng, vệ sinh cá nhân trước và sau khi ăn, sau khi chơi đồ chơi/ hoạt động ngoài trời, sau khi đi vệ sinh.
MT6: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm. Được cân đo, theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm.	- Khám sức khỏe vào tháng 9 và tháng 3 hàng năm. Cân đo, theo dõi trên biểu đồ vào tháng 9, 12 và tháng 3. - Phối kết hợp với gia đình để theo dõi và khám sức khỏe cho trẻ.
MT7: Trẻ được chăm sóc trong môi trường đảm bảo vệ sinh.	- Vệ sinh phòng nhóm đồ dùng đồ chơi, giữ sạch nguồn nước, xử lý và thu gom rác thải vệ sinh môi trường.
MT8: Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp: Sởi, thủy đậu....và được theo dõi tiêm chủng đầy đủ.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp như sởi, thủy đậu, sốt xuất huyết, covid-19, thực hiện việc rửa tay sát khuẩn đeo khẩu trang .
MT9: Trẻ được bảo đảm và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.

B. GIÁO DỤC

*** GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

*** Phát triển vận động**

1. Thực hiện động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp

MT10. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.	- Động tác hô hấp: Tập hít vào thở ra. - Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai: + Tay giơ cao, đưa ra trước, đưa sang ngang, đưa và kết hợp với lắc bàn tay. - Các động tác phát triển lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Các động tác phát triển cơ chân: + Chân ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
---	--

2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.

MT11. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật trên lưng.	- Bò theo hướng thẳng và có vật trên lưng - Bò chui qua cổng. - Bò, trườn qua vật cản.
MT12. Trẻ có thể giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh, chậm theo cô hoặc	- Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. - Đi có mang vật trên tay. - Chạy theo hướng thẳng

đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đứng co một chân.
MT13. Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	- Ném bóng về phía trước.
MT14. Trẻ biết phối hợp vận động tay- mắt, tung bắt- bóng với cô trong khoảng cách 1m; Ném vào đích xa 1- 1,2 m.	- Tung- bắt bóng cùng cô. - Ném bóng vào đích.
M15. Trẻ biết lăn bắt bóng với người khác.	- Lăn bóng về phía cô.
MT16: Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động bật tại chỗ, bật qua vạch kẻ.	- Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ.
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay	
MT17. Trẻ thực hiện được vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Múa, gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cuộn cổ tay.
M18. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. + Đóng cọc bằng gỗ, nhón nhặt đồ vật, chắp ghép, chồng xếp, cài, cởi cúc, buộc dây, lật mở sách.	- Xoa tay chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò, xé. - Chồng, xếp 6 – 8 hộp. - Chắp ghép hình. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Đóng cọc bằng gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Lật mở trang sách.
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	
MT19. Trẻ biết thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Trẻ làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.
MT20. - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT21. Trẻ có được một số thói quen vệ sinh tốt trong ăn uống, sinh hoạt.	- Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống sôi, rửa tay trước khi ăn, lau mặt., lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định.

2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	
MT22: Trẻ biết làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh).	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt
MT23: Trẻ biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép ; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
MT24. Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và tránh một số vận dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.
MT25. Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	
MT26: Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, nếm, ngửi để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) – xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt – mặn – chua).
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi	
MT27. Trẻ có thể chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Đồ dùng đồ chơi của bản thân và nhóm lớp. - Bắt trước một số hành động đơn giản của người gần gũi.
MT28. Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi; Một số đặc điểm bên ngoài của bản thân và công việc của người thân gần gũi trong gia	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.

đình.	
MT29. Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên chức năng chính của một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT30. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, hoa, rau, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
MT31. Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, màu xanh, màu vàng.
MT32. Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ.
MT33. Trẻ biết tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của một số phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
MT34. Trẻ chỉ, nói được tên và lấy được đúng hình tròn, hình vuông theo yêu cầu.	- Hình tròn, hình vuông.
MT35. Trẻ nhận biết được một số vị trí trong không gian so với trẻ. (Trên- dưới, trước- sau)	- Vị trí trong không gian (Trên- dưới, trước- sau) so với bản thân trẻ.
MT36. Trẻ nhận biết và nói đúng số lượng (Một – nhiều)	- Số lượng (một- nhiều)
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
1. Nghe hiểu lời nói	
MT37. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. VD “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
MT38. Trẻ trả lời được các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?” (VD: "con gà gáy thế nào?"...)	- Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Trả lời câu hỏi: “cái gì?”, “làm gì?”, “ở đâu?”, “thế nào?”, “để làm gì?”, “tại sao?”...
MT39. Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	
MT40. Trẻ biết phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau.
MT41. Trẻ có thể đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ, bài thơ ngắn có 3 – 4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.

3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	
MT42: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “Thế nào?” “Để làm gì?” “Tại sao?”...
MT43: Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu bản thân. - Hỏi các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”...	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.
MT44: Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
4. Làm quen với sách	
MT45. Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách
MT46. Trẻ biết xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	- Xem tranh, ảnh và gọi tên các nhân vật trong tranh và các hoạt động trong bức tranh.
* GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ	
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	
MT47. Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
MT48. Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình.
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	
MT49. Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.
MT50. Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
MT51. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận.
MT52. Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm các con vật nuôi.
3. Thực hiện các hành vi xã hội	
MT53. Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao

ơn, ạ, vâng ạ.	tiếp với những người xung quanh: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ” chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
MT 54. Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ.
MT55. Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
MT56. Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn xếp hình, xem tranh	
MT57. Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
MT58. Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.
MT59. Trẻ thích nghe các bài hát, bản nhạc và âm thanh của các dụng cụ âm nhạc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

TT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện
1	Bé và các bạn	04	5/9/2024 -04/10/2024	Ngày hội đến trường, Tết trung thu
2	Đồ dùng đồ chơi của bé	04	07/10/2024-01/11/2024	
3	Các bác các cô trong nhà trẻ	03	04/10/2024– 22/11/2024	Ngày nhà giáo VN Ngày thành lập QĐNDVN
4	Gia đình thân yêu của bé.	04	25/11/2024 - 20/12/2024	
5	Những con vật đáng yêu	04	23/12/2024-17/01/2025	

6	Tết và mùa xuân	03	20/01/2025- 21/02/2025	Tết nguyên đán nghỉ từ 27/01 đến hết 08/02/2025
7	Cây và những bông hoa đẹp.	04	24/02/2025- 21/03/2025	Ngày hội của bà và mẹ
8	Bé thích đi khắp nơi bằng phương tiện gì?	04	24/03/2025 - 18/04/2025	
9	Mùa hè đến rồi	03	21/04/2025 - 9/05/2025	Ngày 30/4, 1/5.
10	Bé lên mẫu giáo	02	12/05/2025- 23/05/2025	Tết thiếu nhi 1/6, ngày sinh nhật Bác.
	Tổng	35		

ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 3-4 TUỔI

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
A. NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC SỨC KHOẺ	
MT1: Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi. + Cân nặng: Bé trai 12,7 - 21,2kg Bé gái 12,3 - 21,5 kg + Chiều cao: Bé trai 94,9 - 111,7cm Bé gái 94,1 - 111,3cm	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng theo độ tuổi. - Cân đo ba tháng trên lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển. - Can thiệp kịp thời đối với trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân phẩy thấp còi thừa cân béo phì.
MT2: Trẻ được ăn theo chế độ và khẩu phần ăn khoa học phù hợp với độ tuổi.	- Ăn 1 bữa chính và 1 bữa phụ. - Chế độ dinh dưỡng hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ: Năng lượng 1 ngày tại trường của trẻ (50-55%) là 615-726 Kcal..... - Phòng chống và can thiệp kịp thời với trẻ mắc bệnh hoặc suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi và béo phì.
MT3: Trẻ được uống nước đầy đủ đảm bảo vệ sinh.	- Uống nước sạch đun sôi để nguội ấm vào mùa đông, nước uống đảm bảo vệ sinh. Uống khoảng 1,6 đến 2 lít trên trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn).
MT4: Trẻ được ngủ một giấc buổi trưa phù hợp với độ tuổi.	- Ngủ một giấc buổi trưa khoảng 120-150 phút.
MT5: Trẻ được đảm bảo vệ sinh khi ở lớp.	- Trẻ có cá góc riêng khăn mặt, đồ dùng cá nhân riêng và có ký hiệu riêng, vệ sinh cá nhân trước và sau khi ăn, sau khi chơi đồ chơi/ hoạt động ngoài trời, sau khi đi vệ sinh.

MT6: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần trên năm. Được cân đo, theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm.	- Khám sức khỏe theo vào tháng 9 và tháng 3 hàng năm. Cân đo, theo dõi trên biểu đồ vào tháng 9, 12 và tháng 3. - Phối kết hợp với gia đình để theo dõi và khám sức khỏe cho trẻ.
MT7: Trẻ được chăm sóc trong môi trường đảm bảo vệ sinh.	-Vệ sinh phòng nhóm đồ dùng đồ chơi, giữ sạch nguồn nước xử lý và thu gom rác thải vệ sinh môi trường.
MT8: Trẻ được phòng tránh các bệnh thương gặp: Sởi, thủy đậu....và được theo dõi tiêm chủng đầy đủ.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp như sởi, thủy đậu, sốt xuất huyết, covid-19 thực hiện việc rửa tay sát khuẩn đeo khẩu trang .
MT9: Trẻ được bảo đảm và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.

PHẦN B: GIÁO DỤC

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

*** Phát triển vận động**

1. Thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp

MT10: Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân
--	--

2. Thể hiện kĩ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động

MT 11. Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). + Đi kiễng gót liên tục 3m	- Đi kiễng gót chân. - Đi trong đường hẹp.
MT 12. Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Chạy liên tục trong đường đích	- Đi chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi chạy thay đổi hướng theo đường rích rắc.

dắc (3 – 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	
MT 13. Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). + Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Tung, ném, bắt - Lăn, đập, tung bắt bóng với cô - Chuyển bắt bóng bằng 2 tay theo hàng dọc, hàng ngang.
MT 14. Trẻ biết cách bật nhảy đúng tư thế, đúng động tác.	- Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật xa 20-25cm.
MT 15. Trẻ biết bước lên, xuống bậc theo yêu cầu.	- Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm).
MT 16. Trẻ biết trườn theo yêu cầu.	- Trườn về phía trước.
MT 17. Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. + Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). + Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	- Chạy nhanh 15 m. - Ném xa bằng một tay. - Ném trúng đích bằng một tay. - Bò chui qua cổng. - Bò trườn theo hướng thẳng, đích dắc.
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay phối hợp tay - mắt.	
MT 18. Trẻ thực hiện được các vận động: + Xoay tròn cổ tay. + Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.
MT 19. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: + Vẽ được hình tròn theo mẫu. + Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. + Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. + Tự cài, cởi cúc.	- Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Dùng bút tô vẽ nguệch ngoạc - Cài, cởi cúc áo..... - Sử dụng kéo, bút
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe: 1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	

MT 20. Trẻ nói được tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn thấy vật thật, tranh ảnh: Thịt - cá, rau - quả.	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.
MT 21. Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Kể tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...
MT 22. Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ chất và đủ lượng. - Nhận biết sự liên quan với ăn uống và bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt:	
MT 23. Trẻ có khả năng thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, súc miệng. + Tháo tất, cởi quần, áo	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh.
MT 24. Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Biết cách cầm bát bằng tay trái và cầm thìa bằng tay phải, cầm cốc bằng 2 tay.
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT 25. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Có thói quen ăn chín, uống sôi.
MT 26 Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết . nói với người lớn khi bị đau, chảy máu... - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.
MT 27. Trẻ biết được một số biểu hiện khi ốm như: Ho, sốt nóng, lạnh và phải đi bác sĩ khám bệnh.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT 28. Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, không sờ nghịch vào vỏ hộp thuộc sâu, vỏ hộp sắc cạnh, bản, trèo cây, xô đẩy bạn, nhét các hột	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.

hạt vào tai mũi, uống các loại nước lạ...) khi được nhắc nhở.	
MT 29. Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
MT 30. Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt..... + Không tự lấy thuốc uống + Không leo trèo bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Biết cười đùa trong ăn uống dễ bị hóc, sặc. - Biết uống thuốc phải có sự hướng dẫn của người lớn. - Biết leo trèo, nghịch các vật nguy hiểm là không an toàn. - Biết theo người lạ là nguy hiểm.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
* Khám phá khoa học 1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	
MT 31. Trẻ thể hiện sự quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Nhận biết sự thay đổi của các sự vật hiện tượng xung quanh dưới sự gợi ý, hướng dẫn của cô.
MT 32. Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Tên đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Đặc điểm và ích lợi của cây, hoa, quả quen thuộc với trẻ.
MT 33. Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá cát, sỏi.
MT 34. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Tìm thông tin của một đối tượng cho trước.

MT 35. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật. + Phân loại PTGT theo dấu hiệu.
MT 93: Trẻ biết một số quy định đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông và hậu quả khi không chấp hành.	+ Nắm tay người lớn khi đi qua đường + Ngồi trên xe đạp, xe máy an toàn + Những hậu quả khi không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết những vấn đề đơn giản.	
MT 36. Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa các loại cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật.
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT 37. Trẻ có thể mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước đối với con người, con vật cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.
MT 38. Trẻ thể hiện được một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ...) - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
1. Nhận biết số đếm, số lượng.	
MT 39. Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
MT 40. Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Một và nhiều.
MT 41. Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều	- So sánh 2 đối tượng bằng các cách khác nhau.

hơn, ít hơn.	
MT 42. Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
MT 43. Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ.
2. Sắp xếp theo quy tắc	
MT 44. Trẻ biết nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1- 1, ghép đôi . - Xếp xen kẽ. - Biết sắp xếp đối tượng theo quy tắc.
3. So sánh 2 đối tượng	
MT 45 Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh hai đối tượng về kích thước.
4. Nhận biết hình dạng.	
MT 46. Trẻ có thể nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết và gọi các hình: Hình vuông, tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và hình dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình học để lắp ghép.
* Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.	
MT 47. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
MT94: Trẻ thích làm quen với các biểu tượng toán sơ đẳng thông qua một số các hoạt động thực hành, trải nghiệm.	-Làm quen với các khái niệm sơ đẳng về toán thông qua một số các hoạt động thực hành, trải nghiệm.
* Khám phá xã hội	
1. Nhận biết bản thân gia đình, trường mầm non cộng đồng.	
MT 48. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.
MT 49. Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.
MT 50. Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ gia đình.

MT 51. Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên của các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trường. - Biết tên trường và địa chỉ trường.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT 52. Trẻ có thể kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Biết kể tên một số nghề phổ biến trong xã hội. - Tên gọi và sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.
* Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh.	
MT 53. Trẻ có thể kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Một số ngày hội ngày lễ của bé.
MT 54. Trẻ có thể kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội ở địa phương.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
1. Nghe hiểu lời nói	
MT 55. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
MT 56. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc.
MT 95. Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại rõ ràng.	- Nghe hiểu nội dung chuyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và trả lời được câu hỏi của cô. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, vè, hò phù hợp với độ tuổi.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT57. Trẻ biết nói rõ ràng để người nghe hiểu được.	- Phát âm rõ ràng các tiếng của tiếng việt. - Trẻ biết dùng lời nói để thể hiện được mong muốn của bản thân.
MT 58. Trẻ có thể sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? cái gì? Ở đâu? khi nào?...
MT 59. Trẻ có thể sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và sự hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.
MT 60. Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi,	- Kể lại sự việc. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.

xem phim,.	
MT 61. Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT 62. Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.
MT 63. Trẻ có thể bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.
MT 64. Trẻ biết sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
MT 65. Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
* Làm quen với việc đọc- viết	
MT 66. Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách lần lượt, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
MT 67. Trẻ biết làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, nôi ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ).
MT 68. Trẻ thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện.
MT 96. Trẻ có thể nhìn vào tranh minh họa và đặt tên cho nhân vật trong tranh.	- Xem và hiểu nội dung tranh. - Biết đặt tên cho nhân vật trong tranh theo ý trẻ.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
* Thể hiện ý thức về bản thân:	
MT69: Trẻ nói được tên tuổi giới tính của bản thân	- Tên, tuổi, giới tính
MT70: Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.
2. Thể hiện sự tự tin tự lực	
MT 71. Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Tham gia vào các hoạt động trong ngày.
MT 72. Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	- Cố gắng thực hiện các công việc được giao.
3. Nhận biết và thể hiện xúc cảm, tình cảm với con người sự vật, hiện tượng xung quanh	
MT 73. Trẻ nhận ra cảm xúc: vui,	- Nhận biết một số trạng thái xúc cảm (vui,

buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	buồn, sợ hãi, tức giận) qua mặt cử chỉ, giọng nói.
MT 74. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.
MT 75. Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.
MT 76. Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm với Bác qua bài thơ, bài hát...

4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội

MT77. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy tắc ở lớp và gia đình (Để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ) - Tiết kiệm, điện, nước. - Yêu mến bố mẹ, anh chị em ruột.
MT 78. Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn). - Biết nói cảm ơn, xin lỗi, lời chào lễ phép khi được nhắc nhở.
MT 79. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chờ đến lượt. - Nhận biết hành vi “đúng” “sai” “tốt” “xấu”
MT 80. Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận và đoàn kết với bạn.

PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật:

MT81: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT82: Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).
MT83: Trẻ vui sướng, chỉ sò, ngắm nhìn và nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng) của tác phẩm tạo hình.	- Ngắm nhìn cảm nhận được vẻ đẹp sản phẩm tạo hình và Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng

2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT84: Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.
MT85: Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích
MT86: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng kỹ năng vẽ nét: thẳng, xiên, ngang, cong tạo thành bức tranh đơn giản
MT87: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.
MT88: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.
MT89: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.
MT90: Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật	
MT 91. Trẻ có thể vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát bản nhạc quen thuộc. - Biết kết hợp với vận động đơn giản: Nhún nhảy, giậm chân, vỗ tay.
MT 92. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.
MT97: Trẻ biết vận động sáng tạo đơn giản theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc phù hợp.	- Vận động sáng tạo đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
MT 98. Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình đơn giản, sáng tạo theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm tạo hình đơn giản, sáng tạo theo ý thích.
MT99: Trẻ biết sử dụng dấu vân tay của mình để tạo hình cây, hoa, con vật, hoàn thiên khuôn mặt....	- Sử dụng dấu vân tay để hoàn thiện bức tranh đơn giản.
MT100: Trẻ bước đầu biết vẽ đơn giản theo nhạc.	- Nghe bản nhạc theo chủ đề, theo ý thích. - Thưởng thức âm nhạc. - Vẽ theo nhạc đơn giản

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

TT	Tháng	Chủ đề	Tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện lớn trong năm
1	9	Trường MN thân yêu của bé.	4	5/9/2024 -04/10/2024	Ngày hội đến trường, Tết trung thu
2	10	Cơ thể bé yêu.	3	07/10/2024-25/10/2024	Ngày 20/10
3	10-11	Gia đình vui vẻ.	4	28/10/2024– 22/11/2024	Ngày nhà giáo VN 20/11 Ngày 22/12
4	11-12	Những nghề bé biết	3	25/11/2024 - 13/12/2024	
5	12-01	Thế giới động vật	4	16/12/2024-10/01/2025	
6	01-02	Tết và Mùa xuân	3	13/01/2025- 14/02/2025	Tết nguyên đán nghỉ từ 27/01 đến hết 08/02/2025
7	02-3	Thế giới thực vật.	4	17/02/2025- 14/03/2025	Ngày quốc tế PN 08/3
8	3-4	Bé tìm hiểu về PT và biển báo giao thông.	4	17/03/2025 - 11/04/2025	Giỗ tổ Hùng vương
9	4-5	Nước và hiện tượng tự nhiên.	3	14/04/2025 - 2/05/2025	Ngày 30/4 Ngày 1/5
10	5	Quê hương, đất nước, Bác Hồ.	3	5/05/2025- 23/05/2025	Ngày sinh nhật Bác
			35 tuần		

ĐỘ TUỔI 4-5 TUỔI

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
A. NUÔI DƯỠNG - CHĂM SÓC SỨC KHỎE	
MT1: Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi, * Cân nặng: + Bé trai: 14,1 - 24,2 kg + Bé gái: 13,7 - 24,9 kg * Chiều cao: + Bé trai: 100,7 - 119,2 cm + Bé gái: 99,9 - 118,9 cm	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng theo độ tuổi. - Cân đo ba tháng trên lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển. - Can thiệp kịp thời đối với trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân phẩy thấp còi thừa cân béo phì.
MT2: Trẻ được ăn theo chế độ và khẩu phần ăn khoa học phù hợp với độ tuổi.	- Ăn 1 bữa chính và 1 bữa phụ. - Chế độ dinh dưỡng hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ: Năng lượng 1 ngày tại trường của trẻ (50-55%) là 615-726 Kcal..... - Phòng chống và can thiệp kịp thời với trẻ mắc bệnh hoặc suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi và béo phì.
MT3: Trẻ được uống nước đầy đủ đảm bảo vệ sinh.	- Uống nước sạch đun sôi để nguội ấm vào mùa đông, nước uống đảm bảo vệ sinh. Uống khoảng 1,6 đến 2 lít trên trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn).
MT4: Trẻ được ngủ một giấc buổi trưa phù hợp với độ tuổi.	- Ngủ một giấc buổi trưa khoảng 150 phút.
MT5: Trẻ được đảm bảo vệ sinh khi ở lớp.	- Trẻ có cá góc riêng khăn mặt, đồ dùng cá nhân riêng và có ký hiệu riêng, vệ sinh cá nhân trước và sau khi ăn, sau khi chơi đồ chơi/ hoạt động ngoài trời, sau khi đi vệ sinh.
MT6: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần trên năm. Được cân đo, theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm.	- Khám sức khỏe theo vào tháng 9 và tháng 3 hàng năm. Cân đo, theo dõi trên biểu đồ vào tháng 9, 12 và tháng 3. - Phối kết hợp với gia đình để theo dõi và khám sức khỏe cho trẻ.
MT7: Trẻ được chăm sóc trong môi trường đảm bảo vệ sinh.	- Vệ sinh phòng nhóm đồ dùng đồ chơi, giữ sạch nguồn nước xử lý và thu gom rác thải vệ sinh môi trường.
MT8: Trẻ được phòng tránh các bệnh thương gặp: Sởi, thủy đậu....và được theo dõi tiêm chủng đầy đủ.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp như sởi, thủy đậu, sốt xuất huyết, covid-19 thực hiện việc rửa tay sát khuẩn đeo khẩu trang .

MT9: Trẻ được bảo đảm và phòng tránh một số tai nạn thường gặp	- Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
B. GIÁO DỤC	
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
*Phát triển vận động	
1.Trẻ thực hiện các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp	
MT10: Trẻ biết thực hiện được đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	* Các động tác: - Hô hấp: Hít vào và thở ra. + Hái hoa, ngửi hoa, thổi nơ, thổi bóng. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở, bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Đứng cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.
2.Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động	
MT11: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	- Đi và chạy + Đi bằng gót chân, đi khuy gót, đi lùi... + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
MT12: Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi - chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc)	+Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, (đổi hướng) theo vật chuẩn. +Chạy theo đường đích dắc +Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m. + Chạy qua chướng ngại vật.
MT13: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m)	+ Tung bóng lên cao và bắt. +Tung bắt bóng với người đối diện. + Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay.

+ Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m) + Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.	+ Đập và bắt bóng tại chỗ. + Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân. + Lăn bóng và di chuyển theo bóng.
MT14: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. + Ném trúng đích ngang (xa 2 m). + Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay. * Bò + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m. + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng. + Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6 m. + Bò trong đường hẹp. * Trườn + Trườn theo hướng thẳng, trườn sấp. * Trèo + Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm. + Trèo lên, xuống 5 giống thang
MT15: Trẻ biết cách bật nhảy đúng tư thế, đúng động tác.	+ Bật liên tục về phía trước + Bật xa 35 - 40 cm. + Bật, nhảy từ trên cao xuống (Cao 30 - 35 cm) + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 – 15 cm. + Nhảy lò cò 3 m.
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay – mắt	
MT16: Trẻ thực hiện được các vận động: + Cuộn - xoay tròn cổ tay. + Gập, mở, các ngón tay.	- Vò, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... - Gập giấy.
MT17: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình người, nhà, cây. + Cắt thành thạo theo đường thẳng. + Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. + Biết tết sợi dôi. + Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Lắp ghép hình. - Tết sợi. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
*Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	
MT18: Trẻ nhận biết được một số thực	- Nhận biết một số thực phẩm thông

phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin.	thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Kể tên một số thức ăn có trong bữa ăn hàng ngày và ích lợi của các thực phẩm đó.
MT19: Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm món ăn.
MT20: Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ chất và đủ lượng. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
2. Thực hiện một số công việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
- MT21: Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: + Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.
- MT 22: Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự kê ghế vào bàn ăn. - Tự xúc cơm ăn hết xuất gọn gàng
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT23: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Không uống nước lã.	- Thực hiện nếp sống văn minh khi ăn uống: Mời cô, mời bạn - Ăn nhiều loại rau, củ quả khác nhau - Nhận biết thực phẩm sạch, bẩn.
MT24: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi qui định.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Luyện tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. + Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. + Ích lợi của trang phục phù hợp với thời tiết. + Bỏ rác, đi vệ sinh đúng nơi quy định.

4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT103: Trẻ biết nhận ra và không đến gần, nghịch một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, không sờ nghịch vào vỏ hộp thuốc sâu, vỏ hộp sắc cạnh, bản, treo cây, xô đẩy bạn, nhét các hạt vào tai mũi, uống các loại nước lạ...	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng và biết tránh những nơi có thể gây ra nguy hiểm.
MT25: Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
MT26: Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Nhận biết và phòng tránh những nguy hiểm có thể xảy ra trong khi ăn. - Không ăn thức ăn có mùi lạ và đổi màu, không phù hợp. - Giáo dục một số quy định của trường, lớp.
MT27: Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: + Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Nhận biết trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
*Khám phá khoa học	
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.	
MT28: Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướm?....	- Sự vật: Người, đồ vật, con vật, cây cối - Hiện tượng: + Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Các nguồn nước trong môi trường sống + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với đời sống

	con người, con vật và cây. - Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và cách bảo vệ
MT29: Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm bên ngoài của đồ vật, đồ chơi, cây cối, con vật, phương tiện giao thông gần gũi, con người...
MT30: Trẻ có thể làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát. - Pha màu vào nước. Pha muối, đường vào nước và đưa ra phán đoán. - Nhận ra màu sắc của các đồ dùng đồ chơi và vật dụng trong cuộc sống.
MT31: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Làm thí nghiệm đơn giản - Tìm thông tin của một đối tượng cho trước bằng nhiều cách, quan sát, nêu nhận xét về thông tin đó.
MT32: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi, cây, hoa quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. - Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại phương tiện giao thông theo 1 - 2 dấu hiệu. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, và ích lợi của hoa quả đối với con người.
MT104: Trẻ biết một số quy định, đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông và hậu quả khi không chấp hành	- Đi bộ an toàn - An toàn khi đi trên các phương tiện giao thông - Những hậu quả khi không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
MT33: Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.	- Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng như: Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.

	- Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống.
MT34. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Một số mối quan hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Biết dùng các cách thức khác nhau để giải quyết vấn đề.
MT105: Trẻ thích khám phá những sự vật, hiện tượng, vấn đề... đơn giản thông qua thực hành trải nghiệm.	-Khám phá sự vật, hiện tượng, vấn đề đơn giản theo quy trình 5E.
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT35. Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát..	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 loại con vật, cây hoa, quả. - So sánh sự khác nhau và giống nhau giữa 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Biết phân biệt được con vật hiền lành, hung dữ
MT36: Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ... - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.
*Làm quen với một số khái niệm toán sơ đẳng	
1. Tập hợp, số lượng và số thứ tự và đếm	
MT37: Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5. - Đếm theo khả năng
MT38: Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
MT39: Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Nhận biết 1 và nhiều. - So sánh, nhận biết mối quan hệ về số lượng trong phạm vi 5.
MT40: Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
MT41: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng	- Tách một nhóm đối tượng thành

thành hai nhóm nhỏ hơn.	các nhóm nhỏ hơn.
MT42: Trẻ biết sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
MT43: Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe....)
MT106: Trẻ thích làm quen với các biểu tượng toán sơ đẳng thông qua các hoạt động trải nghiệm	- Làm quen với các khái niệm sơ đẳng về toán thông qua các hoạt động trải nghiệm
2. Sắp xếp theo quy tắc	
MT44: Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- Xếp theo quy tắc - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.
3. So sánh hai đối tượng	
MT45: Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
4. Nhận biết hình dạng.	
MT46: Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật....)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, hình tam giác.
MT47: Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.	
MT48: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (Phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái).
MT49: Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
*Khám phá xã hội	
1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng	
MT50: Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ, tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
MT51: Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố, mẹ những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu gia đình.
MT52: Trẻ biết nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình
MT53: Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp. .
MT54: Trẻ biết nói tên, một số công việc	- Tên và công việc của cô giáo và

của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	các cô bác trong trường.
MT55: Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT56: Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, số công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của một số nghề phổ biến nghề truyền thống của địa phương.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh.	
MT57: Trẻ có thể kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội và sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
1. Nghe và hiểu lời nói	
MT58: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Hiểu và làm theo được 2- 3 yêu cầu.
MT59: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất công dụng và các từ biểu cảm.
MT60: Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.	
MT 61. Trẻ biết nói rõ ràng ý tưởng của mình để người nghe có thể hiểu được..	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
MT62: Trẻ có thể sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: “ai”; “cái gì”; “ở đâu”; “khi nào” ; “để làm gì”
MT63: Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
MT64: Trẻ có thể kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Kể lại truyện đã được nghe.
MT65: Trẻ có thể sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
MT66: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yên cầu, hoàn cảnh giao tiếp.

MT107: Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự, một cách rõ ràng mạch lạc	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết theo trình tự một cách rõ ràng mạch lạc.
MT 108. Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao diễn cảm, mạch lạc và thể hiện được sắc thái biểu cảm phù hợp.	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Đọc, thể hiện sắc thái biểu cảm của bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu vè.
MT109: Trẻ có thể bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. Biết kể truyện sáng tạo theo ý thích.	- Đóng kịch. - Kể lại truyện một cách sáng tạo theo ý thích.
3. Làm quen với đọc, viết	
MT67: Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
MT68: Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, hiện tượng trong tranh.
MT69: Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa “đọc vẹt”.	- Làm quen với cách đọc, viết tiếng việt. + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + Phân biệt phần mở đầu, phần kết thúc của sách. + “đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn và bảo vệ sách.
MT70: Trẻ có thể nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ...)
MT71: Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Nhận dạng một số chữ cái.
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI	
1. Thể hiện ý thức về bản thân	
MT72: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính.
MT73: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT74: Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Chơi với bạn, chơi ở các góc.

MT110: Trẻ biết hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi) và biết giúp đỡ bạn khi cần thiết.	- Lao động tự phục vụ. - Biết tự phục vụ bản thân và tự hoạt động cá nhân, biết phối hợp với bạn khi thấy cần thiết.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
MT75: Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (buồn, vui, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng điệu trong tranh.
MT76: Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.
MT77: Trẻ có thể nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.
MT78: Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác.
MT79: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT80: Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
MT81: Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
MT82: Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác.
MT83: Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác.
MT84: Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật)	- Quan tâm giúp đỡ bạn bè ở trường, lớp.
5. Quan tâm đến môi trường	
MT85: Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật, cây cối, giữ gìn bảo vệ môi trường.
MT86: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.
MT87: Trẻ biết không được bẻ cành, bứt hoa.	- Phân biệt hành vi ‘đúng’ “sai” “tốt” “xấu” của bản thân, bạn khác...

MT88: Trẻ biết không được để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước.
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
MT89: Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh, gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
- MT90: Trẻ biết chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca). - Thích nghe nhạc, nghe hát, chú ý lắng nghe, nhận ra giai điệu quen thuộc và biết sử dụng dụng cụ âm nhạc để đệm theo nhịp bài hát, bản nhạc.
MT91. Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình)	
MT92. Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ..	- Hát đúng giai điệu lời ca và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát.
MT93. Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa). Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Vận động phù hợp với nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay, giậm chân, nhún nhảy, múa...) - Phối hợp các nguyên vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
MT94: Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, đường nét, bố cục.
MT95: Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục	- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, đường nét khác nhau.
MT96:. Trẻ biết làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành	- Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng

sản phẩm có nhiều chi tiết.	khác nhau.
MT97: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm.
MT98: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét.
MT111: Trẻ biết hát kết hợp với các hình thức hát sáng tạo. Phối hợp dụng cụ âm nhạc phù hợp trong khi hát.	- Hát kết hợp hình thức nối tiếp, hát lĩnh xướng, hát đối đáp, hát kết hợp với đọc rap.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật âm nhạc, tạo hình.	
MT99: Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
MT100: Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
MT101: Trẻ có thể nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
MT102: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình. - Biết nhận xét và giữ gìn sản phẩm của mình của bạn.
MT112: Trẻ biết cảm nhận âm nhạc và vẽ theo nhạc bài hát đơn giản.	- Nghe bản nhạc theo chủ đề, theo ý thích. - Thưởng thức âm nhạc. - Vẽ theo nhạc đơn giản

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ, THỜI GIAN THỰC HIỆN

TT	Tháng	Chủ đề	Tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện lớn trong năm
1	9 + 10	Trường Mầm non thân yêu của bé.	4	05/9/2024-04/10/2024	Ngày hội đến trường, Tết trung thu
2	10	Tìm hiểu về cơ thể bé yêu	3	7/10/2024-25/10/2024	Ngày 20/10
3	10 + 11	Gia đình vui vẻ.	3	28/10/2024-15/11/2024	
4	11 + 12	Lớn lên bé thích làm nghề gì?	4	18/11/2024 - 13/12/2024	Ngày nhà giáo VN 20/11 Ngày 22/12
5	12 + 01	Thế giới động vật	4	16/12/2024 - 10/01/2025	
6	01 + 02	Tết và Mùa xuân	4	13/01/2025 - 21/02/2025	Tết nguyên đán nghỉ từ 27/01 đến hết 08/02/2025
7	02 + 3	Thế giới thực vật.	4	24/02/2025 - 21/3/2025	Ngày quốc tế phụ nữ 08/3
8	3 + 4	Bé tìm hiểu về PT và biển báo giao thông.	3	24/3/2025 - 11/4/2025	- Ngày giỗ Tổ Hùng Vương 10/3 âm lịch
9	4 + 5	Nước và hiện tượng tự nhiên.	3	14/4/2025 – 02/5/2025	Ngày 30/4 Ngày 1/5
10	5	Quê hương, đất nước, Bác Hồ.	3	05/5/2025 – 23/5/2025	Ngày sinh nhật Bác
		Tổng số	35 tuần		

ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 5-6 TUỔI

MUC TIÊU	NỘI DUNG
A. NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC SỨC KHỎE	
MT1: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Cân nặng: Bé trai: 16.0 – 26.6 kg Bé gái: 15.0 – 26.2 kg - Chiều cao: Bé trai: 106.4 - 125,8 cm Bé gái: 104.8 – 124.5 cm	- Chế độ dinh dưỡng hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Khám sức khỏe theo định kỳ - Cân, đo - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển. - Phối kết hợp với gia đình để theo dõi và khám sức khỏe cho trẻ. Có biện pháp để phòng chống và can thiệp kịp thời với trẻ mắc bệnh hoặc suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi và béo phì.
MT2: Trẻ được ăn theo chế độ và khẩu phần ăn khoa học phù hợp với độ tuổi.	- Ăn 1 bữa chính và 1 bữa phụ. - Chế độ dinh dưỡng hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ: Năng lượng 1 ngày tại trường của trẻ (50-55%) là 615-726 Kcal..... - Phòng chống và can thiệp kịp thời với trẻ mắc bệnh hoặc suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi và béo phì.
MT3: Trẻ được uống nước đầy đủ đảm bảo vệ sinh.	- Uống nước sạch đun sôi để nguội ấm vào mùa đông, nước uống đảm bảo vệ sinh. Uống khoảng 1,6 đến 2 lít trên trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn).
MT4: Trẻ được ngủ một giấc buổi trưa phù hợp với độ tuổi.	- Ngủ một giấc buổi trưa khoảng 150 phút.
MT5: Trẻ được đảm bảo vệ sinh khi ở lớp.	- Trẻ có cá góc riêng khăn mặt, đồ dùng cá nhân riêng và có ký hiệu riêng, vệ sinh cá nhân trước và sau khi ăn, sau khi chơi đồ chơi/ hoạt động ngoài trời, sau khi đi vệ sinh.
MT6: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần trên năm. Được cân đo, theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm.	- Khám sức khỏe theo vào tháng 9 và tháng 3 hàng năm. Cân đo, theo dõi trên biểu đồ vào tháng 9, 12 và tháng 3. - Phối kết hợp với gia đình để theo dõi và khám sức khỏe cho trẻ.
MT7: Trẻ được chăm sóc trong môi trường đảm bảo vệ sinh.	- Vệ sinh phòng nhóm đồ dùng đồ chơi, giữ sạch nguồn nước xử lý và thu gom rác thải vệ sinh môi trường.
MT8: Trẻ được phòng tránh các bệnh thương gặp: Sởi, thủy đậu....và được theo dõi tiêm chủng đầy đủ.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp như sởi, thủy đậu, sốt xuất huyết, covid-19 thực hiện việc rửa tay sát khuẩn đeo khẩu trang .
MT9: Trẻ được bảo đảm và phòng tránh một số tai nạn thường gặp	- Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng

	nguy hiểm đến tính mạng.
B. GIÁO DỤC	
*GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	
MT10: Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	* Các động tác phát triển hô hấp - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. (ngửi hoa, thổi nơ, thổi bóng...)
	* Các động tác phát triển nhóm cơ tay, bả vai + Đưa 2 tay ra phía trước, phía sau. + Đưa 2 tay ra trước, sang ngang. + Đánh xoay tròn 2 cánh tay. + Đánh chéo 2 tay ra 2 phía trước sau. + Luân phiên từng tay lên cao.
	* Các động tác phát triển nhóm cơ bụng lườn + Đứng, cúi người về trước, chân thẳng, cúi thấp nhiều. + Nghiêng người sang 2 bên đầu không cúi, không gập bụng: + Quay sang trái, quay sang phải kết hợp hai tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông chân bước sang phải, sang trái. + Cúi về trước, ngửa ra sau.
	* Các động tác phát triển nhóm cơ chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, một chân về sau.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động.	
MT 11. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m + Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây. + Đi thăng bằng trên ghế thể dục, không làm rơi vật đang đội trên đầu. (CS 11)	- Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. - Đi trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m). - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. - Đi bước dồn trên ghế. - Đi nổi bàn chân tiến lùi. - Đi thăng bằng trên ghế thể dục.

MT 12. Trẻ có khả năng chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian. (CS 13)	- Chạy thay đổi tốc độ 150m theo hiệu lệnh. - Chạy chậm khoảng 120- 150 m. - Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn hoặc hiệu lệnh 150m. - Chạy được 150m liên tục. - Chạy theo đường đích dốc qua 5- 6 điểm (khoảng cách mỗi điểm 2.5 - 3m)
MT13. Trẻ biết trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. (CS 4)	- Trèo lên, xuống 7 giống thang - Trèo lên, xuống ít nhất được 1,5m - Trèo lên xuống liên tục, phối hợp chân nọ, tay kia (2 chân không bước vào một thang).
MT14. Trẻ biết nhảy xuống từ độ cao 40cm (CS 2)	- Nhảy từ trên cao 40-50cm xuống (bật sâu) - Nhún chân và bật lên cao (Chạm đất bằng 2 đầu bàn chân, giữ thẳng bằng khi tiếp đất). - Bật (nhảy) qua vật cản 15-20cm.
MT15. Trẻ biết nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (CS 9)	- Nhảy lò cò theo ý thích. - Nhảy lò cò theo yêu cầu của cô ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
MT16. Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động Ném và bắt bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4 m (CS 3)	- <i>VD bắt</i> + Tung bóng lên cao và bắt bóng. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ.
MT17: Trẻ biết ném trúng đích thẳng đứng (xa 2 m x cao 1,5m)	+ Ném và bắt bóng với người đối diện khoảng cách 4m. - <i>VD ném</i> + Ném xa bằng 1 tay + Ném xa bằng 2 tay. + Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay, 2 tay + Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay, 2 tay.
MT18: Trẻ biết thực hiện vận động Đập và bắt được bóng bằng 2 tay (CS 10)	- Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay. - Đập bóng xuống sàn và bắt bóng bằng 2 tay khi bóng nảy.
MT19: Trẻ biết thực hiện vận động Bật xa tối thiểu 50cm (CS 1)	- Bật liên tục vào vòng. - Bật xa 40 – 50cm. - Bật- nhảy từ trên cao xuống 40-45cm. - Bật tách khếp chân qua 7 ô. - Bật tự do về phía trước - Bật nhảy qua vật cản 15-20cm
MT20. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong khoảng 5-7 giây (CS 12)	- Chạy 18m trong khoảng 10 giây - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy chậm khoảng 120- 150 m. - Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh

MT21: Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích đắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	- Bò theo đường Dích Dắc qua 7 điểm - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5 m - Bò chui qua ống dài 1.5 m x 0,6 m
3. Trẻ thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt.	
MT22. Trẻ thực hiện được các vận động: + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. + Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn - Lắp ráp
MT23. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. + Cắt được theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản (CS 7) + Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. + Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. + Tự mặc và cởi được áo, xâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc-mô-tuya (CS 5)	- Tô, đồ theo nét - Xé, cắt đường vòng cung; ghép dán theo mẫu - Mặc áo đúng cách, hai tà không bị lệch nhau. - Cài, cởi cúc, kéo khóa xâu luôn, bọc dây
MT 24. Trẻ có thể tham gia các hoạt động học tập không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30 phút (CS 14)	- Tham gia các hoạt động tích cực từ đầu đến kết thúc một hoạt động dưới sự hướng dẫn của giáo viên. - Tích cực tham gia cùng các bạn và làm theo các yêu cầu của cô trong một hoạt động khoảng 30 phút.
MT 25. Trẻ biết tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ (CS 6)	- Tô đồ theo nét vẽ, hình vẽ không chòem ra ngoài hình vẽ. Cầm bút đúng: Bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa. - Bẻ, nắn, lắp ráp, xếp hình...
MT 26: Trẻ biết dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn. (CS 8)	- Bôi hồ mịn, dán hình không bị nhàu, bị nhăn. - Dán các chi tiết không chồng lên nhau. - Dán hình vào bức tranh phẳng phiu.
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	
MT 27. Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: + Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Nhận biết phân loại một số thực phẩm theo 4 nhóm thực phẩm. - Trẻ kể được nhóm thực phẩm giàu vitamin A,B,C,D và thực phẩm giàu muối khoáng.
MT 28. Trẻ kể được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có	- Kể được tên một số thức ăn có trong bữa ăn hàng ngày và ích lợi của các thực phẩm đó .

thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...(CS 19)	
MT 29. Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. (CS 20)	- Kể được tên. Ví dụ: Các thức ăn ôi thiu, nước lã, rau quả khi chưa rửa sạch,... - Không ăn, uống thức ăn đó. - Nhận biết thực phẩm bẩn, sạch - Cách ăn mặc phù hợp với thời tiết (nắng, mưa, nóng, lạnh...) - Các món ăn phù hợp với mùa - Thức ăn và sức khỏe (ăn nhiều mỡ, nhiều đường béo phì...)
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.	
MT 30. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: + Tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn (CS 15) + Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. + Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.	- Tự rửa tay bằng xà phòng (Rửa gọn, không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần) trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh ở trên lớp, ở gia đình, nơi công cộng. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Dạy trẻ biết rửa tay theo quy trình. Rửa tay sạch, không còn xà phòng.
MT 31. Trẻ biết tự rửa mặt và chải răng hàng ngày (CS 16)	- Rửa mặt và chải răng đúng cách (gọn, không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần). - Đánh răng bằng kem đánh răng ngày ít nhất 2 lần. Súc miệng sau khi ăn và sau khi uống sữa. - Rửa sạch, không còn xà phòng.
MT 32. Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Sử dụng đồ dùng đúng cách.
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT 33. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	- Nhận biết một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống
MT 34. Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng (CS 18)	- Chải tóc, vuốt tóc khi bị rối; tự chải đầu cho bản thân và cho bạn. - Chỉnh lại quần áo khi bị lệch.
MT 35. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: + Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc	- Biết thực hiện một số thói quen tốt cho vệ sinh, phòng bệnh. - Biết lấy tay che miệng, quay đầu ra phía

trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. + Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. + Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... + Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp (CS 17) + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.	sau, hoặc hơi cúi đầu xuống thấp khi có phản ứng ho, hắt hơi, ngáp. - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi đúng chỗ dành cho nam, nữ. Không đi vệ sinh bừa bãi. - Biết bỏ rác đúng nơi quy định
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.	
MT 36. Trẻ biết nhận ra và không chơi một số đồ chơi, đồ vật có thể gây nguy hiểm. (CS 21)	- Gọi tên một số đồ vật gây nguy hiểm và không sử dụng những đồ vật đó. (Phích nước, ổ cắm, dao, cành cây...)
MT 37. Trẻ biết và không làm 1 số việc có thể gây nguy hiểm. (CS 22)	- Tìm hiểu một số khu vực có thể gây nguy hiểm (Nhà đang xây, đường lầy lội, ngập nước, dưới lòng đường, ao hồ)
MT 38. Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: + Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc. + Biết không tự ý uống thuốc. + Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc (CS 26)	- Nhận biết những hành động nguy hiểm khi ăn, uống - Kể được tên. Ví dụ: Các thức ăn ôi thiu, nước lã, rau quả khi chưa rửa sạch,... - Không ăn, uống thức ăn đó. - Trẻ biết hút thuốc lá là có hại cho sức khỏe. - Biết bày tỏ thái độ không đồng tình như: + Chú đừng hút thuốc vì có hại cho sức khỏe. + Chú đừng hút thuốc ở nơi đông người. - Biết tránh chỗ có người hút thuốc.
MT 39. Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: + Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... (CS 25) + Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. (CS 23) + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	- Khi gặp nguy hiểm (bị đánh, bị ngã, bị thương, chảy máu, lạc...) biết gọi người lớn nhờ giúp đỡ. - Tập sử lý các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra (cháy, thấy đau, chảy máu, khó thở.....) như: kêu cứu, gọi người lớn, nhờ bạn gọi người lớn, có hành động tự bảo vệ. - Phân biệt được nơi bẩn, nơi sạch. - Phân biệt được nơi nguy hiểm(gần ao/ hồ/ nương/ ổ điện...) và nơi không nguy hiểm. - Nhận biết một số nơi mất vệ sinh (hố rác, chợ bán gia cầm..) - Thực hiện một số quy định của trường lớp - Nhớ địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân.
MT 40. Trẻ thực hiện được một số	- Tránh một số trường hợp không an toàn:

quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: + Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép (CS 24) + Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. - Không ra khỏi nhà, khu vực trường lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Một số quy định của trường lớp + Nhận biết hành vi đúng khi tham gia giao thông.
---	--

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

* Khám phá khoa học

1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.

MT 41. Trẻ thích khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh.(CS 113)	- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi hoạt động mới) - Hay hỏi về những thay đổi mới xung quanh. - Hay đặt câu hỏi "tại sao" - Có thể có những hứng thú riêng (thích ô tô, thích rô bốt, thích búp bê..)
MT 42. Trẻ biết gọi tên các nhóm cây cối con vật theo đặc điểm chung (CS 92)	- Gọi tên các con vật, cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung của 3 hoặc 4 con vật, cây. - Đặt tên cho nhóm những cây này bằng từ khái quát thể hiện đặc điểm chung.
MT 43. Trẻ có thể làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Quá trình phát triển của cây, con vật: điều kiện sống của một số loại cây, con vật.
MT 44. Trẻ có thể thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Tìm thông tin của đối tượng cho trước bằng nhiều cách.
MT 45. Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo công dụng, chất liệu (CS 96)	- Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hàng ngày - Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng chất liệu của 3 hoặc 4 đồ dùng. - Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu theo yêu cầu. + Biết một số biển báo giao thông đường

	bộ: Về màu sắc, hình dạng và quy định: Biển báo cấm; Biển báo nguy hiểm; Biển hiệu lệnh; Biển chỉ dẫn.
MT 46. Trẻ biết phân loại có một số hiểu biết về phương tiện giao thông gần gũi.	- Trẻ biết tên, nơi hoạt động, ích lợi, tiếng kêu của một số phương tiện giao thông gần gũi.
MT167: Trẻ biết những nơi qua đường an toàn.	- Nơi có vạch kẻ đường - Cầu vượt hoặc hầm qua đường dành cho người đi bộ
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.	
MT 47. Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân- kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày (CS 114)	- Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. - Giải thích bằng mẫu câu Tại vì... nên...
MT 48. Trẻ biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (CS 95)	- Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo . - Giải thích dự đoán của mình (quan sát thời tiết và dự đoán một số hiện tượng thời tiết.
MT 49. Trẻ biết nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên. (CS 93)	- Gọi tên từng giai đoạn phát triển của cây, con thể hiện trên tranh. - Sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển - Nhận ra và sắp xếp theo trình tự của sự thay đổi cây cối, con vật, hiện tượng tự nhiên(Búp , lá non lá già, lá vàng,...)
MT 50. Trẻ biết nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.(CS 94)	- Gọi tên và nêu được đặc điểm đặc trưng của mùa đó. - Nêu được khác biệt cơ bản giữa 2 mùa (hè với đông; mùa mưa với mùa khô)
MT 51. Trẻ hay đặt câu hỏi (CS 112)	- Hay phát biểu khi học. - Hay đặt câu hỏi làm rõ thông tin. - Tập trung chú ý trong khi học.
MT168: Trẻ thích khám phá những sự vật, hiện tượng, vấn đề... thông qua các hoạt động thực hành trải nghiệm.	- Khám phá sự vật, hiện tượng, vấn đề theo quy trình 5E.
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.	
MT 52. Trẻ có thể nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi, con vật, hoa, quả và sự đa dạng của chúng.

	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Một số đặc điểm, tích chất của nước, đá, đất, cát, sỏi.
MT 53. Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, trường học, bệnh viện...; mô phỏng vận động/ di chuyển/ dáng điệu các con vật. - Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất... - Vẽ, xé, dán, nặn các con vật, cây, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất..
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán 1. Nhận biết số đếm, số lượng .	
MT 54. Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
MT 55. Trẻ biết nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 (CS 104)	- Đếm và nói đúng số lượng ít nhất đến 10 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) - Đọc được các số từ 1 đến 9 và chữ số 0. - Chọn thẻ chữ số tương ứng hoặc viết với số lượng đã đếm được.
MT 56. Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
MT 57. Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
MT 58. Trẻ biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm. (CS105)	- Tách 10 đồ vật (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) thành 2 nhóm, ít nhất bằng 2 cách khác nhau. - Nói được nhóm nào có nhiều hơn/ ít hơn/ bằng nhau. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
MT 59. Trẻ có thể nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe)
MT169: Trẻ thích làm quen với các biểu tượng toán sơ đẳng thông qua các hoạt động thực hành, trải nghiệm.	- Làm quen với các khái niệm sơ đẳng về toán thông qua các hoạt động trải nghiệm.
2. Sắp xếp theo qui tắc.	
MT 60. Trẻ biết gọi tên các ngày	- Tên các thứ trong tuần, (Thứ 2 ... chủ

trong tuần theo thứ tự (CS 109).	nhật) - Tên các thứ trong tuần theo trình tự(thứ 2; thứ 3; thứ 4; thứ 5; thứ 6; thứ 7; chủ nhật) - Tên các ngày đi học và các ngày được nghỉ học. - Một số công việc thường làm với thứ 2, 3... và thứ bảy, chủ nhật.
MT 61. Trẻ biết nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc. (CS 116)	- Nhận ra quy luật sắp xếp (hình ảnh, âm thanh, vận động....) liên tục, đúng quy luật ít nhất được 2 lần lặp lại. - Nói tại sao được sắp xếp như vậy.
MT 62. Trẻ có thể sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp.
3. So sánh hai đối tượng.	
MT 63. Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. (CS 106)	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau (đặt thước đo liên tục) - Nói đúng kết quả đo (VD: bằng 5 bước chân, 4 cái thước) - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
MT 64. Trẻ biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại (CS 115)	- Nhận ra sự giống nhau của 2 hoặc một nhóm đối tượng. - Nhận ra sự khác biệt của một đối tượng trong nhóm so với những nhóm khác. - Giải thích đúng khi loại bỏ đối tượng khác biệt.
4. Nhận biết hình dạng	
MT 65. Trẻ biết chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu. (CS 107)	- Lấy được các khối cầu, khối vuông, chữ nhật, khối trụ có màu sắc kích thước khác nhau khi nghe gọi tên. - Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình học theo yêu cầu (VD: Quả bóng có dạng hình cầu, cái tủ hình khối chữ nhật.....
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.	
MT 66. Trẻ có thể xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái của một số vật so với một vật khác (CS 108)	- Xác định vị trí đồ vật (phía trước- phía sau, phía trên- phía dưới; phía phải- phía trái của bản thân và so với bạn khác. - Nói được vị trí của các bạn với nhau khi xếp hàng thể dục. - Đặt đồ vật vào chỗ theo yêu cầu (VD: đặt búp bê lên trên giá đồ chơi, đặt quả bóng ở bên phải búp bê...)
MT 67. Trẻ phân biệt được ngày hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày. (CS110)	- Nhận biết sáng trưa, chiều tối. - Công việc của hôm qua, hôm nay và dự định ngày mai. - Hôm qua đã làm gì/ hôm nay làm gì và cô

	dẫn ngày mai làm việc gì?
MT 68. Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ. (CS 111)	- Biết lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì? - Nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ (VD: Bây giờ là 2 giờ/ 3 giờ.....)
* Khám phá xã hội	
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.	
MT 69. Trẻ có thể nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ, tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
MT 70. Trẻ có thể nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (Gia đình nhỏ, gia đình lớn) nhu cầu của gia đình.
MT 71. Trẻ có thể nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	- Các thông tin về gia đình.
MT 72. Trẻ có thể nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp một cách rõ ràng mạch lạc khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non.
MT 73. Trẻ có thể nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Công việc của các cô, các bác trong trường
MT 74. Trẻ có thể nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT 75. Trẻ biết kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống (CS 98)	- Trẻ kể tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống; sản phẩm nghề đó; công cụ để làm nghề đó. - Tìm hiểu các công việc, sản phẩm và ý nghĩa của một số nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Tập đóng vai một số nghề phổ biến quen thuộc.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh	
MT 76. Trẻ có thể kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.	- Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
MT 77. Trẻ có thể kể tên và nêu một	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh

vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	lam thắng cảnh, của quê hương, đất nước.
MT 78. Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (CS 97)	- Kể, hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng, trường học, nơi mua sắm, khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến.
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
1. Nghe hiểu lời nói	
MT 79. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.	- Thực hiện được các yêu cầu của cô, của người lớn và các bạn trong các hoạt động.
MT 80. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...). (CS 63)	- Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật nào đó). - Quan sát, được nghe tên gọi các sự vật và hiện tượng gần gũi, đơn giản. - Hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập.
MT 81. Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi (CS 61)	- Nghe âm thanh trong cuộc sống hằng ngày, luyện cho trẻ nghe những ngôn ngữ giàu tính biểu cảm, để cảm nhận được hình ảnh, màu sắc, âm thanh và các sắc thái tình cảm trong lời nói. - Nghe các giọng nói với các sắc thái tình cảm khác nhau.
MT 82. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. Từ đó đưa ra nhận xét phù hợp và rút kinh nghiệm cho bản thân.	- Chú ý lắng nghe người khác nói và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. - Biết nhận xét ý kiến của người nói chuyện với mình.
MT 83. Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động. (CS62)	- Chú ý lắng nghe người khác nói và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. - Trẻ hiểu được những lời nói và chỉ dẫn của giáo viên, hiểu được những câu phức và phản ánh lại bằng những hành động và phản hồi tương ứng. - Kể được tên các loại vật nuôi trong gia đình, các loại rau, các loại quả khi có yêu cầu.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.	
MT 84. Trẻ có thể kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để	- Nói đầy đủ tình tiết sự việc theo trình tự lô gic nhất định.

người nghe có thể hiểu được. (CS 70)	- Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn thấy. - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh. - Miêu tả tranh vẽ và các sản phẩm tạo hình của bản thân.
MT 85. Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày (CS 66)	- Diễn đạt ý tưởng, biết bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của mình bằng các câu hỏi. Trả lời được theo ý câu hỏi. - Sử dụng các từ loại: Danh từ, động từ, tính từ, trạng từ... thông dụng trong lời nói và phù hợp với câu nói. - Sử dụng một số từ khác (liên từ, từ cảm thán, từ láy...) vào câu nói phù hợp với ngữ cảnh và câu nói mà trẻ truyền đạt. - Sử dụng nhiều danh từ, tính từ hay liên từ... khác nhau, những từ thông dụng và các loại câu đơn và câu đơn mở rộng để diễn đạt ý.
MT 86. Trẻ biết nói rõ ràng.(CS 65)	- Phát âm chuẩn các chữ cái trong bảng chữ cái (sử dụng bộ phát âm tiếng Việt). - Phát âm tiếng Việt khi trình bày các tác phẩm văn học hay trình bày ý kiến của bản thân. - Tốc độ phát âm, âm lượng phù hợp với người nghe. - Phát âm đúng và rõ. - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
MT 87. Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp.(CS 67)	- Dùng các loại câu ghép, câu khẳng định câu phủ định, câu mệnh lệnh trong giao tiếp hàng ngày
MT 88. Trẻ biết miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự.
MT 89. Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao, ca dao phù hợp với độ tuổi (CS64)	- Nghe truyện, thơ, đồng dao, ca dao theo nhiều cách khác nhau (Nghe trên đài, tivi, nghe cô đọc, nghe các bạn đọc...) - Trò chuyện, trao đổi về nội dung truyện, thơ, đồng dao, ca dao mà trẻ được nghe.
MT 90. Trẻ biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác (CS 120)	- Trẻ có một số biểu hiện như sau: - Tự đặt ra các câu thơ. - Tự đặt, bịa câu chuyện. - Đặt tên mới/ mở đầu/ tiếp tục kết thúc câu chuyện theo cách khác nhau

MT 91. Trẻ có thể đóng được vai của nhân vật trong truyện. Thể hiện được sắc thái biểu cảm của các nhân vật.	- Đóng kịch
MT 92. Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động (CS 69)	- Thương thuyết và thuyết phục người lớn, bạn bè khi có yêu cầu mong muốn nào đó. - Hướng dẫn bạn bè trong trò chơi, trong hoạt động. - Thuyết trình ý tưởng, phát biểu cảm nghĩ các tác phẩm nghệ thuật, đồ vật của bản thân.
MT 93. Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân (CS 68)	- Nhận xét, đưa ra ý kiến của bản thân về sự vật, hiện tượng nào đó khi được người lớn yêu cầu. - Trẻ có thể dùng nhiều phương tiện khác nhau như: Từ, các loại câu, hình ảnh, chữ viết, âm nhạc, vận động và hành động để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của mình rõ ràng, mạch lạc để người khác hiểu được ý của bản thân.
MT 94. Trẻ biết sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống. (CS 77)	- Sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như (Tạm biệt, xin chào)
MT 95. Trẻ biết cách khởi sự một cuộc trò chuyện (CS 72)	- Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh. - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác - Biết khởi sự một cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau (Nói một câu hoặc hỏi câu hỏi) - Biết sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập quan hệ và hợp tác với bạn bè.
MT 96. Trẻ không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện. (CS 75)	- Giữ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác... - Trẻ thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong
MT 97. Trẻ có thể hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. (CS 76)	- Dùng câu hỏi để hỏi lại (ví dụ: Chim gì là Dì sáo sậu? Dì ghĩ là gì?) - Có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để làm rõ một thông tin khi nghe mà không hiểu.
MT 98. Trẻ biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp (CS 74)	- Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt. - Khi nghe kể truyện, trẻ có thể lắng nghe

	người kể một cách chăm chú và yên lặng trong một khoảng thời gian - Trẻ rất chú ý lắng nghe người nói và phản ứng lại bằng nụ cười, gật đầu như dấu hiệu của sự hiểu biết.
MT 99. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.(CS 73)	- Trẻ biết điều chỉnh cường độ giọng nói: Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lí nhí. Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, nơi công cộng, khi người khác đang làm việc, không nói to, vui đùa khi có người buồn, bị mệt. - Trẻ nói với một giọng điệu và tốc độ thích hợp, giao tiếp và đàm thoại với người khác với giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân thiện.
3. Làm quen với việc đọc - viết	
MT 100. Trẻ thể hiện sự thích thú với sách(CS 80)	- Thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện, kể truyện, làm sách. - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động đọc, kể truyện theo sách ở lớp. Sưu tầm các loại sách truyện. - Thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách đọc, kể chuyện. Trẻ mang sách, truyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe. Hỏi, trao đổi về truyện được nghe đọc.
MT 101. Trẻ biết kể truyện theo tranh (CS 85)	- Nhìn vào tranh vẽ trong sách trẻ có thể nói nội dung mà tranh minh họa VD: Nhìn tranh vẽ chiếc xe đạp trẻ nói: Cháu có 1 chiếc xe đạp. Nhìn vào trong sách và nói: Quyển truyện này là truyện về Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn" - Nói được thứ tự của sự việc từ truyện tranh và sử dụng lời nói để diễn đạt nội dung câu chuyện.
MT 102. Trẻ có một số hành vi như người đọc sách. (CS 83)	- Trẻ chỉ và nói được tên các phần sau của sách khi được yêu cầu. + Trang bìa sách + Các trang sách + Lời (chữ) trong sách, tranh minh họa + Tên sách; Tên tác giả; Bắt đầu và kết thúc - Biết cầm và giả vờ đọc sách cho bản thân và người khác nghe. Cầm sách đúng chiều, giờ trang sách từ phải sang trái từng trang một. - Nhặt sách dưới sàn và đặt lên giá đúng chiều.

MT 103. Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống .(CS 82)	- Nhận biết được các ký hiệu về đồ dùng của trẻ như: Khăn mặt, tủ đựng quần áo. - Biết được ký hiệu về thời tiết. - Biết và tạo được tên của trẻ. - Nhận biết được ý nghĩa của các ký hiệu trong cuộc sống (Bảng hiệu giao thông, quảng cáo, chữ viết, cấm hút thuốc, cột xăng...) - Nhận biết được các nhãn hàng hóa - Khả năng liên tưởng sau khi xem truyện tranh hay các biểu tượng thông dụng và hiểu được ý nghĩa mà chúng truyền tải.
MT 104. Trẻ biết nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. (CS 91)	- Nhận biết được chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và hoạt động hàng ngày. Nhận được một số chữ cái trên các bảng hiệu cử hàng. - Biết rằng mỗi chữ cái có tên, hình dạng và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số
MT 105. Trẻ biết bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. (CS 88)	- Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Biết sử dụng các dụng cụ viết, vẽ khác nhau để tạo ra các ký hiệu biểu đạt ý tưởng hay một thông tin nào đấy! Nói cho người khác biết ý nghĩa của các ký hiệu đó. - Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và các hoạt động hàng ngày.
MT 106. Trẻ thích đọc những chữ đã viết trong môi trường xung quanh. (CS 79)	- Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách. - Hay hỏi về chữ viết (Truyện viết về gì? cái đó viết về gì? Chữ đó viết như thế nào? Ai viết?) - Thường xuyên bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe. - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp. - Chú ý đến hành động viết của người lớn (Hỏi khi thấy người lớn viết) - Quan tâm, hỏi về chữ viết trong sách, báo, hàng hóa, bảng biểu ... và cố gắng tìm kiếm thông tin về nghĩa của chữ viết ở xung quanh. - Quan tâm đến việc viết, thích sao chép lại

	những câu và những từ vựng đơn giản, trẻ thích sử dụng các dụng cụ viết, vẽ để viết vào giấy một cách thoải mái.
MT 107. Trẻ không nói tục chửi bậy. (CS 78)	- Biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
MT 108. Trẻ biết kể lại được nội dung câu chuyện đã nghe theo trình tự nhất định (CS 71)	- Kể lại chuyện đã được nghe cho bố, mẹ hoặc bạn và vào các trang của truyện theo đúng trình tự. - Trẻ hiểu được các yếu tố của một câu truyện như các nhân vật, thời gian, địa điểm, phân kết và nói lại được nội dung chính của câu truyện sau khi được nghe kể hoặc đọc truyện đó. - Thích thú sáng tạo truyện theo tranh, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân.
MT 109. Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.(CS 81)	- Để sách đúng nơi qui định. - Có ý thức giữ gìn sách: Không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm lên sách. - Có thái độ tốt với sách (buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy, lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách...)
MT110. Trẻ biết: "Đọc" theo truyện tranh đã biết.(CS 84)	- Trẻ có hành vi tự kể truyện theo sách, tranh truyện đã được nghe đọc. - Trẻ đọc sách theo sáng kiến của mình và có được các ý tưởng từ truyện tranh hay các từ ngữ. - Nói được nghĩa của một số từ quen thuộc. - Cố gắng đoán nghĩa của từ và nội dung chuyện. Dựa vào tranh minh họa, chữ cái và kinh nghiệm của bản thân trong các hoạt động đọc, kể truyện. - Khi nghe đọc truyện, trẻ có thể trả lời câu hỏi:" Theo cháu, cái gì sẽ xảy ra tiếp theo?"
MT 111. Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.(CS 86)	- Hiểu rằng đã dùng tranh ảnh, chữ viết, số, kí hiệu....để thay thế cho lời nói. - Hiểu rằng chữ viết có một ý nghĩa nào đấy, con người sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau (vd: khi mẹ nhận thiệp chúc mừng mừng mới, trẻ hỏi “ thiệp gì đấy?”) - Hiểu rằng chữ viết thể hiện các từ của câu nói, một từ nói ra thể viết được bằng kí hiệu chữ viết. - Nhận biết được từ từng văn bản, các từ cách nhau một khoảng trống.
MT 112. Trẻ biết dùng các ký hiệu	- Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của

hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.(CS 87)	mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ - Yêu cầu người lớn viết lời chuyện do trẻ tự nghĩ dưới tranh vẽ. - Thể hiện sự cố gắng tự mình viết ra, cố gắng tạo ra những biểu tượng, những hình ảnh mẫu ký tự có tính chất sáng tạo hay sao chép lại các ký hiệu, chữ, từ biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân.
MT 113. Trẻ biết viết tên của bản thân theo cách của mình.(CS 89)	- Sao chép tên của bản thân theo trật tự cố định trong các hoạt động. - Biết viết tên trong các sản phẩm tạo hình. - Tự viết tên của bản thân trong các đồ dùng sinh hoạt cá nhân. - Sau khi vẽ tranh, viết tên của mình phía dưới
MT 114. Trẻ biết viết chữ theo thứ tự từ trái, qua phải, từ trên xuống dưới. (CS 90)	- Chỉ được tiếng trong trang sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. - Lấy một quyển sách theo yêu cầu trẻ chỉ xem câu chuyện được bắt đầu từ đâu, trẻ chỉ vào sách từ trên xuống dưới, từ trái qua phải, lật giở, các trang từ trái qua phải.

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

1. Thể hiện ý thức về bản thân

MT 115. Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình (CS 27)	- Nói được những thông tin cơ bản của cá nhân và gia đình như: + Tên, tuổi, giới tính, sở thích , tên các thành viên trong gia đình. + Địa chỉ nhà (số nhà, tên khu phố). + Số điện thoại của gia đình hoặc bố mẹ nếu có.
MT 116. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.(CS 29)	- Kể được những việc mình có thể làm được, không thể làm được và giải thích được lí do.
MT 117. Trẻ ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân (CS 28)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Nhận biết, phân biệt quần áo của bạn trai, gái. - Một số hành vi văn minh lịch sự của bạn gái (Ngồi khếp chân khi mặc váy...) - Một số hành vi văn minh lịch sự của bạn

	tra (Nhường nhịn và làm công việc nặng, sẵn sàng giúp đỡ các bạn gái trong các công việc...)
MT 118. Trẻ biết các mối quan hệ và cách xưng hô giữa các thành viên trong gia đình	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình.
MT 119. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Lao động tự phục vụ.
MT 120. Trẻ biết chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình. (CS 59)	- Nhận ra rằng mọi người có thể sử dụng các từ khác nhau để chỉ cùng 1 vật (Ví dụ từ mẹ ở các địa phương hoặc nơi có các dân tộc khác nhau) - Gọi được tên và chấp nhận các sở thích giống và khác nhau của mình với người khác. - Không chê bai bạn về: Sản phẩm hoạt động, quần áo, đồ dùng của bạn...
MT 179. Trẻ nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân một cách rõ ràng mạch lạc.(CS 58)	- Nói được đúng khả năng của một số người gần gũi. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. Kể về những việc mình có thể làm được, không thể làm được và giải thích được lý do.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực.	
MT 121. Trẻ có thể chủ động làm một số việc đơn giản hằng ngày. (CS 33)	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động hàng ngày như: + Cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi qui định, cất đồ dùng quần tư trang vào tủ cá nhân. + Tự rửa tay trước khi ăn. + Tự chuẩn bị đồ dùng đồ chơi trước khi hoạt động.
MT 122. Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân (CS 30)	- Đề xuất trò chơi, công việc, mong muốn của bản thân trong các hoạt động. - Nêu ý kiến của bản thân trong các tình huống người lớn đặt ra.
MT 123. Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn (CS60)	- Có ý kiến về sự công bằng giữa các trẻ. - Nêu được cách lập lại sự công bằng và thể hiện mong muốn lập lại sự công bằng.
MT 124. Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đến cùng (CS 31)	- Bé luôn hoàn thành công việc được giao - Bé tự mình làm được nhiều việc. - Công việc ở nhà của Bé. - Bé vui vẻ với các công việc được giao - Công việc của bé trong lớp (tự cất đồ chơi, tự rửa tay trước khi ăn, tự chuẩn bị đồ dùng để học, để chơi).
MT125. Trẻ biết mạnh dạn nói ý kiến	- Chủ động nói với người lớn tình trạng sức

của bản thân (CS34)	khỏe của bản thân hàng ngày.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh.	
MT126. Trẻ có thể nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. (CS 35)	- Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: vui buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ...qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ
MT 127. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. (CS 36)	- Các xúc cảm của Bé và người khác trên khuôn mặt (vui, buồn, sợ hãi, tức giận...) - Giương mặt của bé, hành động của bé khi vui, buồn, sợ hãi.
MT 128. Trẻ biết thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc (CS 32)	- Phấn khởi khi làm xong tác phẩm, nâng niu ngắm nghía biết giữ gìn sản phẩm của mình. khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác
MT 129. Trẻ biết nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác (CS 53)	- Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác. - Giải thích được phản ứng của bản thân đối với cảm xúc hoặc hành vi của bạn khác (VD: Con cho bạn ấy mượn búp bê vì con thấy bạn ấy buồn). - Đoán được hành vi của mình hoặc của người khác.
MT 130. Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. (CS 37)	- Trẻ có những biểu hiện + An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm, mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói hoặc cử chỉ. + Chia vui với người thân như chúc mừng, tặng quà nhân ngày sinh nhật, ngày lễ ... - Quan tâm chia sẻ giúp đỡ người thân và bạn bè.
MT 131. Trẻ có thể nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Trẻ biết Bác qua các hình ảnh trên tivi, đài, báo, trang trí trên lớp học và biết một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác: Nhà sàn, ao cá Bác Hồ...
MT 132. Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Biết hát các bài hát và kể chuyện cũng như đọc thơ về Bác)
MT 133. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước. - Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp (CS 38)	- Biết các địa danh lịch sử của địa phương: Bãi cọc Bạch đằng, Miếu vua bà, Đền Trung cốc, Miếu Tiên Công và các địa danh của đất nước. - Nhận ra cái đẹp + Thể hiện sự thích thú: reo hò, khen ngợi xuýt xoa, ngắm nghía cái đẹp.

4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.	
MT 134. Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh (CS 40)	- Tự điều chỉnh hành vi, thái độ phù hợp + Biết nói khẽ, đi lại nhẹ nhàng khi người khác đang nghỉ hay bị ốm. + Vui vẻ, hào hứng đối với các sự kiện tổ chức ở nhà và trường: Sinh nhật, ngày hội... + Buồn khi phải chia tay với bạn bè, cô giáo khi ra trường.
MT 135. Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, xưng hô chào hỏi lễ phép với người lớn (CS 54)	- Một số thói quen lễ giáo sơ đẳng: chào hỏi, cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà và xưng hô lễ phép với người lớn. - Thể hiện sự ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi (đứng im, đỏ mặt, mếu, chạy nước mắt, cúi đầu sợ hãi, ôm lấy người mình trót phạm lỗi) và nói lời xin
MT 136. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. (CS 48)	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự - Giữ thái độ trong giờ học
MT 137. Trẻ biết chờ đến lượt (CS 47)	- Tôn trọng, hợp tác và chấp nhận.
MT 138. Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. (CS 49)	- Mọi quan hệ của Bé với bạn trong lớp. (đoàn kết, hòa thuận).
MT 139. Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích (CS 41)	- Hành động và lời nói của bé khi có cảm xúc tiêu cực trấn tĩnh và kiềm chế hành vi đánh bạn, cào cấu...
MT 140. Trẻ có thể hòa đồng với bạn trong nhóm chơi (CS42)	- Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm. - Được mọi người trong nhóm tiếp nhận. - Chơi trong nhóm bạn vui vẻ thoải mái. 9
MT 141. Trẻ biết chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi (CS43)	- Sẵn lòng trả lời các câu hỏi trong giao tiếp với những người gần gũi.
MT 142. Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi (CS 44)	- Kể chuyện cho bạn về chuyện vui, buồn của mình. - Sẵn sàng trao đổi hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm.
MT 143. Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. (CS 45)	- Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với các bạn. - Chủ động giúp bạn khi nhìn thấy bạn cần sự giúp đỡ. - Giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu.
MT 144. Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên (CS 46)	- Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau. - Các bạn hay chơi cùng Bé; Các bạn Bé thích chơi cùng.

MT 145. Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.(CS 55)	- Tự đề nghị người lớn hoặc bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn. - Biết tìm sự hỗ trợ từ người lớn trong cộng đồng. - Thể hiện sự hiểu biết khi nào cần nhờ đến sự giúp đỡ của người lớn. - Hỏi người lớn trước khi vi phạm các quy định chung.
MT 146. Trẻ biết thể hiện sự thân thiện đoàn kết với bạn bè(CS 50)	- Biết thỏa thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn. - Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn (trước tiên là dùng lời, sau đó là nhờ sự can thiệp của người khác hoặc chấp nhận sự thỏa hiệp).
MT 147. Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.(CS 51)	- Tham gia vào việc tổ chức các sự kiện trong nhóm. - Nhận và thực hiện vai của mình trong trò chơi cùng nhóm.
MT 148. Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác (CS 52)	- Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn. - Cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với rất ít xung đột hoặc không có xung đột.
5. Quan tâm đến môi trường	
MT 149. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc (CS 39)	- Biết được ích lợi của con vật, cây cối đối với cuộc sống con người. - Vui vẻ nhận công việc tưới cây, cho con vật ăn. - Kêu lên khi thấy con vật, cành cây non hoặc bông hoa bị gãy nát, con vật thân thuộc bị đau hay chết.
MT 150. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường (giữ gìn vệ sinh trong lớp, ngoài đường)
MT 151. Biết nhận xét một số hành vi đúng sai của con người đối với môi trường, nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...). (CS 56)	- Mô tả những hành vi đúng sai đối với môi trường xung quanh. - Các hành động đúng sai đối với môi trường. - Giữ vệ sinh trong lớp, nơi ở, ngoài đường. - Tắt điện khi ra khỏi phòng. - Tiết kiệm điện nước. - Nhận xét và tỏ thái độ đối với hành vi đúng sai.
MT 152. Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày: biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức	- Thể hiện các hành vi đúng đối với môi trường xung quanh trong sinh hoạt hàng ngày như: + Tắt điện khi ra khỏi phòng. + Biết sử dụng tiết kiệm nước trong sinh

ăn.(CS 57)	hoạt hàng ngày ở nhà và ở trường.
------------	-----------------------------------

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	
MT 153. Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng)	- Thể hiện thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên.
MT154: Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc(hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Lắng nghe, hưởng ứng cảm xúc, thể hiện động tác minh họa phù hợp theo bài hát, bản nhạc. - Nghe và đọc thơ, truyện, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.
MT 155. Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Ngắm nhìn vẻ đẹp của các tác phẩm nghệ thuật.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình)	
MT 156. Trẻ biết hát đúng giai điệu bài hát dành cho các bé Mầm non. (CS 100)	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của các bài hát, bản nhạc phù hợp với lứa tuổi. - Xướng âm 7 nốt nhạc cơ bản.
MT 157. Trẻ biết thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.(CS 101)	- Thể hiện nét mặt vận động (vỗ tay, lắc lư...) phù hợp với nhịp sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc. - Thể hiện thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Nghe các bài hát bản nhạc có tiết tấu, giai điệu bài hát khác nhau. - Phân biệt các bài hát, bản nhạc theo tính chất, giai điệu vui, buồn, nhanh, chậm) qua các trò chơi âm nhạc. - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sức thái, tình cảm các bài hát , bản nhạc phù hợp lứa tuổi.
MT 158. Trẻ biết sử dụng các vật liệu	- Sử dụng nhiều vật liệu để làm ra một loại

khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản (CS 102)	sản phẩm.
MT159: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé dán, nặn, xếp hình để tạo ra sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	-Phối hợp các kỹ năng trong các hoạt động để tạo ra sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối: + Kỹ năng vẽ + Kỹ năng cắt, xé dán + Kỹ năng nặn + Kỹ năng xếp hình
MT 160. Trẻ biết thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. (CS 118)	- Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ. - Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác. - Thực hiện cùng nhiệm vụ như các bạn, nhưng theo cách khác của bạn.
MT 161. Trẻ biết thể hiện ý tưởng bản thân thông qua các hoạt động khác nhau(CS 119)	- Thường khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi. - Xây dựng các công trình từ những khối xây dựng khác nhau. - Có những vận động minh họa/múa sáng tạo khác theo hướng của cô....
MT 162. Trẻ có thể nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc(CS 99)	- Nghe bản nhạc, bài hát vui hay buồn gần gũi và nhận ra được bản nhạc bài hát nào là vui hoặc buồn.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
MT 163. Trẻ biết đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (1 câu hoặc 1 đoạn) (CS 117)	- Dựa trên bài hát/ câu chuyện quen thuộc thay 1 từ hoặc 1 cụm từ (VD: mẹ ơi con yêu mẹ lắm thay cho, bà ơi cháu yêu bà lắm”.....
MT164: Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.
MT 165. Trẻ có thể gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT 166. Trẻ nói được ý tưởng và tạo ra các sản phẩm theo ý thích (CS 103)	- Đặt tên cho sản phẩm. - Trả lời được câu hỏi con vẽ, nặn, xé dán cái gì? Tại sao con làm thế?
MT171: Trẻ biết hát kết hợp với các hình thức hát sáng tạo. Phối hợp dung cụ âm nhạc phù hợp trong khi hát.	- Hát kết hợp hình thức nối tiếp, hát lĩnh xướng, hát đối đáp, hát kết hợp với đọc rap, hát trên nền nhạc remix, hát đuổi, hát đệm....

MT172: Trẻ biết cảm nhận âm nhạc và vẽ theo nhạc bài hát đơn giản.	-Nghe bản nhạc theo chủ đề, theo ý thích. -Thưởng thức âm nhạc. -Vẽ theo nhạc đơn giản
---	---

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

TT	Tháng	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện lớn trong năm
1	9	Trường MN thân yêu của bé	4	5/9/2024 04/10/2024	Ngày hội đến trường, Tết trung thu
2	10	Cơ thể bé yêu	3	07/10/2024- 25/10/2024	Ngày 20/10
3	10 - 11	Gia đình vui vẻ	4	28/10/2024 22/11/2024	Ngày nhà giáo VN 20/11

4	11 - 12	Lớn lên bé thích làm nghề gì	4	25/11/2024 - 20/12/2024	Ngày 22/12
5	12 - 01	Thế giới động vật	4	23/12/2024-17/01/2025	
6	01 – 02	Mùa xuân và cây xanh	4	20/01/2025-28/02/2025	Tết nguyên đán 27/01 đến hết 08/02/2025
7	02 - 03	Bé tìm hiểu về PT và luật GT	4	3/03/2025-28/03/2025	Ngày 8/3
8	03 – 04	Nước và HT thiên nhiên	3	31/03/2025 - 18/04/2025	
9	04 - 05	Quê hương đất nước Bắc Hồ	3	21/04/2025 - 09/05/2025	Giỗ tổ Hùng vương Ngày 30/4 và 1/5
10	05	Bé lên trường tiểu học	2	12/05/2025-23/05/2025	SN Bắc
		Tổng	35		

3. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

3.1: Các hoạt động giáo dục

*** Độ tuổi nhà trẻ:**

1. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

2. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

3. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

*** Độ tuổi mẫu giáo:**

1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

3.2: Hình thức tổ chức

*** Độ tuổi nhà trẻ:**

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

*** Độ tuổi mẫu giáo:**

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

3.3 Phương pháp giáo dục

*** Độ tuổi nhà trẻ:**

1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

3. Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

*** Độ tuổi mẫu giáo:**

1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ

ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể.

3.4 Tổ chức môi trường giáo dục

*** Độ tuổi nhà trẻ:**

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở[32], tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động[33], đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

*** Độ tuổi mẫu giáo:**

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

4. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

*** Độ tuổi nhà trẻ:**

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

a. Đánh giá trẻ hàng ngày:

Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

b. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

*** Độ tuổi mẫu giáo:**

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

a. Đánh giá trẻ hàng ngày:

4.1.1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

4.1.2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

4.1.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

b. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

2.1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

2.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

2.4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Đối với Ban giám hiệu

Phối hợp với hội đồng nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường dựa trên TT51/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành.

Thực hiện triển khai kế hoạch đến toàn thể giáo viên trong nhà trường.

Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục tại các tổ chuyên môn, nhóm, lớp.

Thường xuyên đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch

Báo cáo kế hoạch thực hiện với phòng GD&ĐT Thị xã Quảng Yên

Cập nhật kịp thời nội dung kế hoạch giáo dục nhà trường lên trên Website và các bảng thông tin tại trường để thực hiện, công khai và tạo điều kiện để CMHS, gia đình và xã hội cùng tham gia hỗ trợ, đóng góp.

2. Đối với các tổ chuyên môn

Xây dựng kế hoạch giáo dục căn cứ vào kế hoạch của nhà trường và đặc điểm của trẻ và nhóm/lớp.

Xây dựng kế hoạch sát với điều kiện của tổ chuyên môn về các vấn đề trọng tâm sát với mục tiêu giáo dục của Sở, phòng và trường đã đề ra.

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy chưa phù hợp sẽ thống nhất điều chỉnh nội dung kế hoạch (nếu có)

Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhà trường.

3. Đối với giáo viên

Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường.

Thực hiện xây dựng và tổ chức các loại kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình đặc điểm của trẻ tại nhóm/lớp.

Thực hiện đánh giá cuối mỗi ngày, tháng, mỗi giai đoạn/ chủ đề để có những điều chỉnh kế hoạch kịp thời.

VI. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Phân công phó hiệu trưởng và các tổ chuyên môn xây dựng bộ công cụ đánh giá, lấy đó làm cơ sở để giáo viên, các tổ chuyên môn và CBQL đánh giá việc thực hiện phát triển chương trình giáo dục của nhà trường một cách kịp thời

Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức đánh giá việc thực hiện những nội dung trong chương trình, rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp thực hiện trong thời gian tới, để điều chỉnh những bất cập, cải tiến và xây dựng kế hoạch của nhà trường được hiệu quả hơn

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc các bộ phận cần kịp thời phản ánh về ban lãnh đạo nhà trường để có hướng dẫn chỉ đạo kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 của trường MN Cộng Hòa. Đề nghị tất cả giáo viên nghiên cứu và triển khai thực hiện kịp thời./.

Nơi nhận :

- Phòng GDĐT (b/c)
- BGH (chỉ đạo)
- Các tổ CM (t.h)
- Lưu VT-HSCM

HIỆU TRƯỞNG

Lã Thị Minh Nguyệt